Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8513.10.30

Mã HS	8513.10.30
Mô tả hàng hóa	Đèn điện xách tay được thiết kế để hoạt động bằng nguồn năng lượng riêng của nó (ví dụ, pin khô, ắc qui, magneto), trừ thiết bị chiếu sáng thuộc nhóm 85.12 / - Đèn: / - - Đèn gắn trên mũ thợ mỏ và đèn thợ khai thác đá
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	12/11/2026 11:03:30
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85131030/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15240
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15240
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15240
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-BN, TH)	0% (trừ BN, TH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E14545
ATIGA	2022	2022	0	AT!E14486
ATIGA	2023	2023	0	AT!F14486
ATIGA	2024	2024	0	AT!G14486
ATIGA	2025	2025	0	AT!H14486
ATIGA	2026	2026	0	AT!I14486
ATIGA	2027	2027	0	AT!J14486
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E14540
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F14540

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G14540
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H14540
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I14540
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J14540
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E14541
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F14541
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G14541
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H14541
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I14541
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J14541
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F14544
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H14492
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F14500
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G14500
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H14500
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I14500
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J14500
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K14500
VKFTA	2022	2022	0	VK!E14531
VKFTA	2023	2023	0	VK!F14531
VKFTA	2024	2024	0	VK!G14531
VKFTA	2025	2025	0	VK!H14531
VKFTA	2026	2026	0	VK!I14531
VKFTA	2027	2027	0	VK!J14531
VCFTA	2022	2022	0	VC!D14586
VCFTA	2023	2023	0	VC!E14586

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F14586
VCFTA	2025	2025	0	VC!G14586
VCFTA	2026	2026	0	VC!H14586
VCFTA	2027	2027	0	VC!I14586
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D14563
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E14563
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F14563
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G14563
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H14563
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I14563
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D14563
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E14563
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F14563
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G14563
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H14563
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I14563
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D14578
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E14578
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F14578
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G14578
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H14578
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I14578
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D14577
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E14577
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F14577
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G14577

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H14577
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I14577
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D14570
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E14570
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F14570
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G14570
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H14570
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I14570
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J14570
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D14565
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E14565
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F14565
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G14565
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H14565
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I14565
RCEP B	2022	2022	0	B!D14565
RCEP B	2023	2023	0	B!E14565
RCEP B	2024	2024	0	B!F14565
RCEP B	2025	2025	0	B!G14565
RCEP B	2026	2026	0	B!H14565
RCEP B	2027	2027	0	B!I14565
RCEP C	2022	2022	0	C!D14565
RCEP C	2023	2023	0	C!E14565
RCEP C	2024	2024	0	C!F14565
RCEP C	2025	2025	0	C!G14565
RCEP C	2026	2026	0	C!H14565

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I14565
RCEP D	2022	2022	0	D!D14564
RCEP D	2023	2023	0	D!E14564
RCEP D	2024	2024	0	D!F14564
RCEP D	2025	2025	0	D!G14564
RCEP D	2026	2026	0	D!H14564
RCEP D	2027	2027	0	D!I14564
RCEP E	2022	2022	0	E!D14568
RCEP E	2023	2023	0	E!E14568
RCEP E	2024	2024	0	E!F14568
RCEP E	2025	2025	0	E!G14568
RCEP E	2026	2026	0	E!H14568
RCEP E	2027	2027	0	E!I14568
RCEP F	2022	2022	0	F!D14565
RCEP F	2023	2023	0	F!E14565
RCEP F	2024	2024	0	F!F14565
RCEP F	2025	2025	0	F!G14565
RCEP F	2026	2026	0	F!H14565
RCEP F	2027	2027	0	F!I14565
VIFTA	2024	2024	0	VI!F13554
VIFTA	2025	2025	0	VI!G13554
VIFTA	2026	2026	0	VI!H13554
VIFTA	2027	2027	0	VI!I13554

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8513.10 có 2 dòng thuế; dòng 8513.10.30 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Đèn gắn trên mũ thợ mỏ và đèn thợ khai thác đá.	8513.10.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8513.10.30. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8513.10.30 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15240), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.